BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004454 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03368.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
2	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
3	*Escherichia coli*	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
4	*Clostridium perfringens*	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
5	*Staphylococcus aureus*	HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
6	*Pseudomonas aeruginosa*	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
7	*Streptococcus faecalis*	HD.PP.07.01/TT.VS (Ref. 3351/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)	< 1 CFU /mL	05/03/2020

Mã số mẫu: 03368.20

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-03-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004455 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03369.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004456 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03370.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/03/2020
2	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/kg	09/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004464 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03378.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	11/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004457 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03371.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
2	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
3	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/03/2020
4	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
5	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/03/2020
6	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
7	Azoxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/03/2020
8	Buprofezin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
9	Chlorothalonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	07/03/2020
10	Cycloxydime	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
11	Cyflumetofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/03/2020
12	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/03/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Fenamidone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/03/2020
14	Fenarimol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
15	Fluopyram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
16	Hexythiazox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
17	Iprodione	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
18	Metrafenone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/03/2020
19	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
20	Spirodiclofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	05/03/2020
21	Sulfoxaflor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/03/2020
22	Methiocarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.33/TT.SK:2017 (LC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01 & TCVN 9333:2012) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
23	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
24	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
25	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	07/03/2020
26	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
27	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	06/03/2020
28	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
29	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	07/03/2020
30	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
31	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/03/2020
32	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
33	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
34	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
35	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	07/03/2020
36	Quinoxyfen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
37	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020

Mã số mẫu: 03371.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	07/03/2020
39	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	07/03/2020
40	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004458 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03372.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0001 mg/kg	07/03/2020
2	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004459 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03373.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Fenitrothion	AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
2	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
3	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	07/03/2020
4	Azinphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
5	Azocyclotin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
6	Beta-cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/03/2020
7	Boscalid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,015 mg/kg	07/03/2020
8	Dichlofluanid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/03/2020
9	Dinocap	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	07/03/2020
10	Etofenprox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
11	Phosalone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/03/2020
12	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020

Mã số mẫu: 03373.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	07/03/2020
14	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/03/2020
15	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/03/2020
16	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
17	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
18	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
19	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-03-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004460 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03374.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
2	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	05/03/2020
3	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
4	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
5	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
6	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
7	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/03/2020

Mã số mẫu: 03374.20

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004461 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03375.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/03/2020
2	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
3	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/03/2020
4	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	09/03/2020
5	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
6	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/03/2020
7	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/03/2020
8	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/03/2020

Mã số mẫu: 03375.20

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13-03-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004462 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03376.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	07/03/2020
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/03/2020
3	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/03/2020
4	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/03/2020
5	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/03/2020

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004463 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03377.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **THỨC UỐNG DINH DƯỠNG DÂU SỮA - VFRESH SMOOTHIE UP**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-10

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 01 hộp x 180 mL

Ngày nhận mẫu : 04/03/2020

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	05/03/2020
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	05/03/2020
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/L	05/03/2020
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	05/03/2020
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/L	11/03/2020
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	05/03/2020
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/L	05/03/2020
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/L	07/03/2020
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	05/03/2020

Mã số mẫu: 03377.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/L	07/03/2020
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	05/03/2020
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/03/2020
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/03/2020
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/03/2020
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/03/2020
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/03/2020
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/03/2020
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	05/03/2020
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	05/03/2020
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	05/03/2020
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/03/2020
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	05/03/2020
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/03/2020
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	05/03/2020
26	Diminazen	Ref. J.AOAC,Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	05/03/2020
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	09/03/2020
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	09/03/2020

Mã số mẫu: 03377.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	05/03/2020
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	09/03/2020
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	07/03/2020
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	05/03/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 -03- 2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh